

7. HUYỆN BÙ ĐÓP

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
I	THỊ TRẤN THANH BÌNH			
1	Đường Nguyễn Huệ	Ranh xã Thanh Hòa	đường Nguyễn Văn Trỗi	1,10
		đường Nguyễn Văn Trỗi	Ranh xã Thiện Hưng	1,10
2	Đường Lê Duẩn	Ngã ba công chánh	Giáp đường Nguyễn Trãi	1,10
		Giáp đường Nguyễn Trãi	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng	1,10
		Giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Ngã ba Sờ Nhỏ (Đường D11)	1,10
		Ngã ba Sờ Nhỏ (Đường D11)	Ngã ba nhà ông Luyện	1,10
		Ngã ba nhà ông Luyện	Cầu sông Bé mới (Giáp ranh huyện Bù Gia Mập)	1,10
3	Đường Hùng Vương	Toàn tuyến		1,10
4	Đường Lê Hồng Phong	Toàn tuyến		1,10
5	Đường trong khu vực chợ (cũ)	Toàn tuyến		1,10
6	Đường Nguyễn Trãi	Toàn tuyến		1,10
7	Đường Lê Văn Sỹ	Toàn tuyến		1,10
8	Đường Trần Huy Liệu	Toàn tuyến		1,10
9	Đường Nguyễn Lương Bằng	Toàn tuyến		1,20
10	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Duẩn (ĐT 759)	Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điều Tài) cũ)	1,20
		Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điều Tài) cũ)	Giáp ranh xã Thanh Hoà	1,20
11	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hoàng Văn Thụ (D1)	1,20
12	Đường trong TTTM	Toàn tuyến		1,10
13	Đường Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		1,10
14	Đường 7/4	Toàn tuyến		1,10
15	Đường Phan Đăng Lưu	Toàn tuyến		1,10
16	Đường Lý Tự Trọng	Toàn tuyến		1,10
17	Đường Chu Văn An	Toàn tuyến		1,20
18	Đường Hoàng Văn Thụ	Toàn tuyến		1,30
19	Đường Tô Hiến Thành	Toàn tuyến		1,10
20	Đường khu phố Thanh Xuân	Đầu nối đường Hùng Vương (thửa 12, tờ bản đồ số 17)	Đầu nối đường Hùng Vương (thửa 8, tờ bản đồ số 17)	1,10
21	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Toàn tuyến		1,10
22	Đường Lương Đình Của	Toàn tuyến		1,10
23	Đường Cống Quỳnh	Đường Nguyễn Huệ vào 30m	Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu (D2)	1,10
24	Đường nhựa Cần Đơn	Đường Lê Duẩn (ĐT 759)	Trụ điện 02	1,10
		Trụ điện 02	Hết tuyến	1,10

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
25	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		1,10
26	Đường D4'	Toàn tuyến		1,10
27	Đường Tôn Thất Tùng	Toàn tuyến		1,10
28	Đường Suối Đá ấp ThanhTrung	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa số 27, 24 tờ bản đồ số 02)	1,10
		Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa số 27, 24 tờ bản đồ số 02)	Suối Đá	1,10
		Suối Đá	Đường Lê Duẩn	1,10
29	Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài)	Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1)	Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)	1,10
		Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)	Ranh xã Thanh Hòa	1,10
30	Đường ấp Thanh Trung	Đường Lê Duẩn	Hết ranh đất nhà ông Đỗ Thanh Hải (thửa số 87, tờ bản đồ số 4)	1,10
31	Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn	Đường Lê Duẩn	Hết ranh đất nhà bà Triệu Thị Dung (thửa số 378, tờ bản đồ số 1)	1,10
32	Đường cặp hàng rào Công an huyện	Đường Hoàng Văn Thụ	Đến ranh đội Quản lý thị trường	1,10
33	Đường giao thông đầu nối từ đường Lê Duẩn vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,10
34	Các tuyến đường còn lại của các khu phố thuộc thị trấn Thanh Bình	Toàn tuyến		1,10
35	Các tuyến đường còn lại của các ấp thuộc thị trấn Thanh Bình	Toàn tuyến		1,10
II	XÃ TÂN THÀNH			
1	ĐT 759B	Giáp ranh xã Lộc Hiệp	Hết ranh UBND xã Tân Thành	1,30
		Hết ranh UBND xã Tân Thành	Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	1,10
		Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	Hết ranh bưu điện xã Tân Thành	1,20
		Hết ranh bưu điện xã Tân Thành	Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất 51 tờ bản đồ 21)	1,10
		Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất 51 tờ bản đồ 21)	Giáp ranh xã Tân Tiến	1,10

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
2	Đường liên doanh	Đường DT 759B vào 30m	Hết ranh đất trường THCS xã Tân Thành	1,20
		Hết ranh đất trường THCS xã Tân Thành	Đồn cầu trắng	1,70
3	Đường giao thông đầu nối từ đường DT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,50
4	Các tuyến đường thôn, ấp (đường có quy định lộ giới)	Toàn tuyến		1,50
5	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,80
III	XÃ TÂN TIẾN			
1	ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Thành	Cổng chào ấp Tân Nhân	1,10
		Cổng chào ấp Tân Nhân	Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	1,10
		Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	Cổng chào ấp Tân An	1,10
		Cổng chào ấp Tân An	Giáp ranh xã Thanh Hòa	1,10
2	Đường Sóc Nê	Ngã ba Sóc Nê vào 60m	Hết ranh đất trường cấp II+III và trường tiểu học	1,10
		Hết ranh đất trường cấp II+III và trường tiểu học	Suối Đá	1,10
		Suối Đá	Hết ranh đất nhà ông 3 Đến (Thửa 172 tờ bản đồ 22)	1,10
3	Đường giao thông đầu nối từ đường DT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,10
4	Các tuyến đường thôn, ấp (đường có quy định lộ giới)	Toàn tuyến		1,10
5	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,10
IV	XÃ THANH HÒA			
1	ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Tiến	Cổng Tầm Ron	1,10
		Cổng Tầm Ron	Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)	1,10
		Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình	1,10
2	ĐT 759	Ngã ba nhà ông Luyện	Cầu sông Bé mới	1,10
3	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa	Giáp TT Thanh Bình	Rẫy ông Thành PCT UB	1,20
4	Đường cổng chào ấp 3	Giáp TT Thanh Bình	Giáp ranh xã Thiện Hưng	1,50
5	Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thành Hòa	Toàn tuyến		1,10
6	Đường giao thông đầu nối từ đường DT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,20

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
7	Các tuyến đường thôn, ấp (đường có quy định lộ giới)	Toàn tuyến		1,90
8	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		2,00
V	XÃ THIỆN HƯNG			
1	ĐT 759B	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình	Hết ranh trại hòm Ba Đùng	1,20
		Hết ranh trại hòm Ba Đùng	Ngã 3 xuống đường sau chợ Thiện Hưng	1,20
		Ngã 3 xuống đường sau chợ Thiện Hưng	Hết ranh đài Tường Niệm	1,20
		Hết ranh đài Tường Niệm	Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện	1,20
2	Đường nhựa	Ngã ba đôi chi khu	Ngã ba nhà bà Ti thôn 3	1,20
3	Đường quanh chợ Thiện Hưng	Toàn tuyến		1,20
4	Đường trong khu vực chợ	Toàn tuyến		1,20
5	Đường nhựa	Từ ngã ba chợ	Bệnh viện E717	1,20
6	Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng	Toàn tuyến		1,20
7	Đường Quy hoạch khu 3,4 ha	Toàn tuyến		1,20
8	Đường nhựa	Ngã ba thôn 6	Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu	1,20
9	Đường nhựa	Ngã ba bến xe mới vào 30m	Nhà văn hóa cộng đồng	1,20
10	Đường nhựa	Giáp ranh xã Thanh Hòa	Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa 18, 30, 27 tờ bản đồ số 25)	1,20
11	Đường giao thông đầu nối từ đường DT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,20
12	Các tuyến đường thôn, ấp (đường có quy định lộ giới)	Toàn tuyến		1,50
13	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,20
VI	XÃ HƯNG PHƯỚC			
1	ĐT 759B	Giáp ranh xã Thiện Hưng	Cầu sắt 2	1,20
		Cầu sắt 2	Trụ sở UBND xã Hưng Phước	1,10
		Trụ sở UBND xã Hưng Phước	Cửa khẩu Hoàng Diệu	1,20
2	Đường giao thông đầu nối từ đường DT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,10
3	Các tuyến đường thôn, ấp (đường có quy định lộ giới)	Toàn tuyến		1,10
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,10

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
VII	XÃ PHƯỚC THIỆN			
1	ĐT 759B	Giáp ranh xã Thiện Hưng	Cầu sắt 2	1,10
		Cầu sắt 2	Trụ sở UBND xã Hưng Phước	1,10
		Trụ sở UBND xã Hưng Phước	Cửa khẩu Hoàng Diệu	1,20
2	Đường Quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện	Toàn tuyến		1,10
3	Đường giao thông đầu nối từ đường DT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,10
4	Các tuyến đường thôn, ấp (đường có quy định lộ giới)	Toàn tuyến		1,10
5	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,10